

The Saigon International
University



Khóa luận
tốt nghiệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngành

Thương mại Quốc tế

Đề tài:

**Ảnh hưởng của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Israel đến
xuất nhập khẩu**

Giảng viên hướng dẫn

Ts. Nguyễn Trọng Hưng

Sinh viên

Lê Thị Diệu

MSSV: 84011901826



Lewis Campus

Email: admission@siu.edu.vn
Website: www.siu.edu.vn

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam kết toàn bộ nội dung của bài khóa luận tốt nghiệp này là kết quả nghiên cứu của riêng em. Các số liệu, thống kê đều có nguồn gốc cụ thể và bài báo cáo này được thực hiện dưới sự hướng dẫn của Tiến sĩ Nguyễn Trọng Hưng. Em hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

LỜI CẢM ƠN

Trong khoảng thời gian làm khóa luận tốt nghiệp, em nhận thấy những kiến thức mà bản thân được học tập ở trường Đại học Quốc tế Sài Gòn rất quý giá. Nhờ có những kiến thức chuyên môn được hệ thống hóa một cách kỹ càng mà em đã có thể hoàn thành được khóa luận tốt nghiệp này.

Ngoài ra em cũng xin chân thành cảm ơn giáo viên hướng dẫn Tiến sĩ Nguyễn Trọng Hưng. Thầy đã chỉ dẫn, tư vấn tận tình, đưa ra những lời khuyên đầy hữu ích để em có thể chỉnh sửa, hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp.

Tuy nhiên, do bản thân em còn hạn chế kiến thức, kỹ năng chuyên môn và khuyết thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên bài khóa luận tốt nghiệp vẫn không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Mong các thầy cô góp ý để bài khóa luận tốt nghiệp của em có thể hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, một lần nữa em xin cảm ơn quý thầy cô và Tiến sĩ Nguyễn Trọng Hưng vì đã hỗ trợ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Mục Lục

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN.....	iv
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT.....	vii
DANH SÁCH CÁC BẢNG SỬ DỤNG.....	viii
DANH SÁCH CÁC HÌNH ẢNH	viii
DANH SÁCH CÁC BIỂU ĐỒ.....	viii
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ FTA	3
1.1 Khái niệm chung về FTA	3
1.1.1 Định nghĩa FTA.....	3
1.1.2 Nội dung chính của FTA.....	5
1.1.3 Các nguyên tắc trong FTA	5
1.2 Các FTA của Việt Nam	6
1.2.1 Danh sách các FTA của Việt Nam tính đến tháng 5 năm 2023	6
1.2.2 Tác động của các FTA đã ký đối với Việt Nam.....	9
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM - ISRAEL	
TRƯỚC FTA.....	12
2.1 Sự hình thành và phát triển mối quan hệ giữa Việt Nam và Israel.....	12
2.1.1 Giới thiệu sơ lược về Việt Nam	12
2.1.2 Giới thiệu sơ lược về Israel	13
2.1.3 Mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam – Israel	14

2.2	Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam – Israel	15
2.2.1	Đặc điểm của Việt Nam trong xuất nhập khẩu	15
2.2.2	Đặc điểm của Israel trong xuất nhập khẩu	16
2.2.3	Thực trạng tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam – Israel	18
CHƯƠNG 3: XU HƯỚNG CỦA TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HAI NƯỚC SAU FTA VIỆT NAM – ISRAEL		22
3.1	Sơ lược về nội dung FTA Việt Nam – Israel	22
3.2	Xu hướng dự báo của FTA	24
3.3	Lợi ích, thách thức của Việt Nam – Israel sau VIFTA	31
3.3.1	Lợi ích	31
3.3.2	Thách thức	32
CHƯƠNG 4: DOANH NGHIỆP 2 NƯỚC SAU VIFTA		33
4.1	Doanh nghiệp Việt Nam	33
4.2	Doanh nghiệp Israel	36
CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN		40
TÀI LIỆU THAM KHẢO		42

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
EU	Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Free Trade Agreement (Hiệp định thương mại tự do)
UAE	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất
UKVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Vương quốc Anh
VIFTA	Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Israel
VKFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH SÁCH CÁC BẢNG SỬ DỤNG

Bảng 1.1: Các FTA của Việt Nam tính đến tháng 5/2023.....	9
Bảng 2.1: Các mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ yếu của Israel	17
Bảng 2.2: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Israel	18
Bảng 3.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Israel giai đoạn 2021 – 2022... 27	
Bảng 3.2: Các mặt hàng xuất khẩu chính của Israel đến Việt Nam	28
Bảng 3.3: Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam đến Israel	29

DANH SÁCH CÁC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Quốc kỳ Việt Nam.....	12
Hình 2.2: Quốc kỳ Israel.....	13
Hình 2.3: Chứng nhận Kosher về tiêu chuẩn thực phẩm của người Do Thái.....	18
Hình 3.1: Việt Nam và Israel ra tuyên bố về việc kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại tự do giữa hai nước	22
Hình 3.2: Ông Lương Hoàng Thái (Vụ trưởng Vụ Chính sách Thương Mại Đa biên)....	23

DANH SÁCH CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đối với Israel trong 4 tháng đầu năm 2023	19
--	----

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, trên các phương tiện truyền thông đại chúng ta rất dễ bắt gặp cụm từ FTA hay còn gọi là Hiệp định Thương mại Tự do. Trong thời đại kinh tế hội nhập với quy mô toàn cầu, việc các FTA được ký kết đã trở thành một tác động giúp cho các nền kinh tế bứt phá phát triển, giúp thúc đẩy hoạt động của các doanh nghiệp, tăng thêm thị trường trong xuất nhập khẩu đồng thời tạo nên những thay đổi mang xu hướng tích cực trong thể chế cũng như môi trường kinh doanh giữa các nước. Đây là một thay đổi tất yếu trong kinh tế toàn cầu và khi càng nhiều FTA được ký kết thì không chỉ ảnh hưởng đến thương mại mà còn ảnh hưởng đến các khía cạnh khác như đầu tư, lực lượng lao động,...

Và chỉ mới đây, vào ngày 02/04/2023, Việt Nam và Israel đã tuyên bố kết thúc việc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa hai nước. Cuối cùng sau nỗ lực nhiều năm của cả 2 đoàn đàm phán, Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Israel đã bước vào giai đoạn cả hai nước cùng nhau xúc tiến những công tác liên quan nhằm tạo tiền đề chuẩn bị cho việc ký kết hiệp định ngay trong năm nay nhằm kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam – Israel.

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Israel chính là một bước tiến cực kì quan trọng trong mối quan hệ giữa hai nước. Là một cột mốc trọng yếu trong thương mại giữa 2 nước, VIFTA giúp mở cửa thị trường, giảm thuế quan giúp gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, giảm các rào cản để thuận lợi cho đầu tư song phương giữa doanh nghiệp hai nước. Có thể nói VIFTA sẽ có những ảnh hưởng rất lớn đến doanh nghiệp vì đây sẽ là cơ hội rất lớn và các doanh nghiệp phải biết tận dụng triệt để VIFTA nhằm phát huy tất cả thế mạnh nhằm tạo nên danh tiếng của các mặt hàng, sản phẩm của nước mình.

Trong bài khóa luận tốt nghiệp này sẽ tập trung phân tích về Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Israel cũng như ảnh hưởng của FTA này đến hai nước và các doanh nghiệp, các mặt hàng xuất nhập khẩu. Bài khóa luận tốt nghiệp này gồm có các chương như sau:

- Chương 1: Tổng quan về FTA
- Chương 2: Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam – Israel trước FTA
- Chương 3: Xu hướng của tình hình xuất nhập khẩu hai nước sau FTA Việt Nam – Israel
- Chương 4: Doanh nghiệp 2 nước sau VIFTA
- Chương 5: Kết luận

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ FTA

1.1 Khái niệm chung về FTA

1.1.1 Định nghĩa FTA

FTA (Free Trade Agreement) dịch ra có nghĩa là Hiệp định Thương mại Tự do. Đây là một hình thức liên kết quốc tế giữa các quốc gia và nhờ các hiệp định này mà các rào cản về thuế quan và phi thuế quan sẽ được giảm hoặc xóa bỏ. Nhờ có các Hiệp định Thương mại Tự do mà các quốc gia trên thế giới có thể từng bước hình thành một thị trường buôn bán thống nhất về hàng hóa và dịch vụ.

Hiện nay, thuật ngữ “FTA thế hệ mới” xuất hiện khá nhiều vậy “FTA thế hệ mới” là gì? Thuật ngữ “FTA thế hệ mới” được sử dụng lần đầu tiên từ năm 2007 với các Hiệp định Thương mại Tự do mà Liên minh châu Âu đã đàm phán với các đối tác thương mại của mình. Việc các thành viên của WTO thiếu đi sự đồng thuận dẫn đến sự bế tắc trong các vòng đàm phán Doha kể từ năm 2001 được cho là nguyên nhân chính để thúc đẩy EU thực thi một chiến lược thương mại mới và chiến lược này chính thức được công bố từ năm 2006. Theo đó, EU cam kết phát triển và nâng cao quan hệ thương mại song phương với các đối tác. Từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh thương mại của các nước EU trên toàn cầu. Với mục tiêu đó, vào năm 2007, EU bắt đầu khởi động các vòng đàm phán các Hiệp định Thương mại Tự do “thế hệ mới” với các nước là đối tác thương mại của mình như Ấn Độ, Hàn Quốc và các nước ASEAN với cách tiếp cận toàn diện, gồm nhiều nội dung đổi mới về sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, đầu tư, mua sắm chính phủ, hay phát triển bền vững.

Kể từ đó, thuật ngữ “FTA thế hệ mới” được sử dụng một cách tương đối để phân biệt các FTA được ký kết trong phạm vi toàn diện hơn so với những khuôn khổ tự do hoá thương mại đã được thiết lập hay FTA truyền thống.

Ngoài các Hiệp định Thương mại Tự do của EU với các đối tác thương mại như EU – Nhật Bản, EU – ASEAN, EU – Ấn Độ, ... thì các Hiệp định Thương mại Tự do được đàm phán sau đó giữa nhiều đối tác thương mại lớn như Hiệp định đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP), Hiệp định đối tác toàn diện tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), ... cũng áp dụng cách tiếp cận toàn diện này. Đây đều được coi là các Hiệp định Thương mại Tự do “thế hệ mới”.

Vậy ta phải làm sao để phân biệt các FTA truyền thống và các FTA thế hệ mới? Có 3 đặc điểm nhằm phân biệt FTA truyền thống với FTA thế hệ mới như sau:

Thứ nhất, các FTA thế hệ mới bao gồm cả các nội dung “phi thương mại”. Các nội dung này trước đây do có những lo ngại sẽ dựng nên các rào cản đối với thương mại nên đã từng bị đưa ra khỏi các vòng đàm phán WTO. Tuy nhiên, hiện nay trong bối cảnh mới lại được quan tâm bởi các nội dung này có ảnh hưởng ngày càng lớn đến vấn đề thương mại của các quốc gia. Những vấn đề “phi thương mại” trên có thể kể đến như lao động, phát triển bền vững, môi trường, quản trị, ...

Thứ hai, các FTA thế hệ mới bao gồm nhiều nội dung mới hơn FTA truyền thống như mua sắm công, đầu tư, cạnh tranh, khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ, thương mại điện tử, ...

Thứ ba, các FTA thế hệ mới sẽ xử lý sâu sắc hơn những FTA truyền thống về các vấn đề như quyền sở hữu trí tuệ, thương mại dịch vụ, thương mại hàng hoá, các quy tắc xuất xứ, ... Chẳng hạn, so với các hiệp định WTO và các FTA truyền thống, thì FTA thế hệ mới có mức độ cam kết rộng và sâu sắc hơn, có thể cam kết cắt giảm thuế gần như là về 0% với hầu hết các hàng hoá và dịch vụ mà không có loại trừ (Bộ Công Thương Việt Nam, 2022).

1.1.2 Nội dung chính của FTA

Thông thường FTA nào cũng bao gồm các nội dung chính được liệt kê sau đây:

Thứ nhất là những quy định về việc cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Theo đó, mỗi quốc gia tham gia ký thỏa thuận FTA đều phải cam kết cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan. Đồng thời, cho phép các hàng hóa dịch vụ giữa các nước thành viên được xuất nhập khẩu.

Thứ hai là quy định danh mục những mặt hàng được đưa vào cắt giảm thuế quan. Loại hàng hóa dịch vụ được đưa vào ký kết sẽ phụ thuộc vào kết quả của hoạt động đàm phán. Có một số loại thuế nhạy cảm sẽ cắt giảm chậm hơn hoặc không được cắt giảm.

Thứ ba là quy định về thời gian cắt giảm thuế xuất nhập khẩu. Các Hiệp định Thương mại Tự do phải có phần mục nội dung quy định rõ ràng về khoảng thời gian hay lộ trình áp dụng cắt giảm thuế. FTA thường sẽ có thời gian kéo dài dưới 10 năm.

Thứ tư là quy định về quy tắc xuất xứ. Đây là quy định hết sức quan trọng và không thể thiếu trong FTA. Mỗi loại hàng hóa dịch vụ khác nhau sẽ có những quy định về mức cắt giảm thuế khác nhau. Những mặt hàng được sản xuất ở các nước tham gia vào thỏa thuận FTA sẽ được nhận ưu đãi lớn hơn những mặt hàng sản xuất ở các nước khác (Bộ Công Thương Việt Nam, 2022).

1.1.3 Các nguyên tắc trong FTA

Khi tham gia đàm phán và ký kết FTA, các quốc gia và tổ chức cần đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, đảm bảo sự công bằng về lợi ích kinh tế giữa các quốc gia: Cần xét một cách cẩn thận về tình hình kinh tế của mỗi nước để có thể đưa ra các hoạt động thỏa thuận một cách công bằng nhất.

Thứ hai, phải tạo được cơ hội phát triển mới: Nắm bắt được các mặt cơ hội thách thức cũng như mặt thuận lợi khó khăn để việc đàm phán đạt được hiệu quả cao nhất. Từ đó, góp phần làm tăng mặt hàng xuất nhập khẩu và thu hút được các nguồn đầu tư của nước ngoài khác.

Việc tuân thủ các nguyên tắc trong FTA được xem là bước đệm và là việc làm cần thiết để các nước có thể cập nhật và nắm bắt thông tin một cách dễ dàng. Từ đó cùng nhau đầu tư phát triển trên nhiều lĩnh vực khác nhau (Bộ Công Thương Việt Nam, 2022).

1.2 Các FTA của Việt Nam

1.2.1 Danh sách các FTA của Việt Nam tính đến tháng 5 năm 2023

STT	Tên FTA	Hiện trạng	Đối tác
FTAs đã có hiệu lực			
1	Hiệp định Thương mại Tự do đa phương giữa các nước trong khối ASEAN (AFTA)	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc

4	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (AJCEP)	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJFTA)	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Ấn Độ (AIFTA)	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Australia/New Zealand (AANZFTA)	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Australia, New Zealand
8	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chile (VCFTA)	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á Âu (VN-EAEU FTA)	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan

11	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)	Có hiệu lực từ 30/12/2018, có hiệu lực tại Việt Nam từ 14/1/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Hồng Kông (Trung Quốc) (AHKFTA)	Có hiệu lực tại Hong Kong (Trung Quốc), Lào, Myanmar, Thái Lan, Singapore và Việt Nam từ 11/06/2019 Có hiệu lực đầy đủ với toàn bộ các nước thành viên từ ngày 12/02/2021.	ASEAN, Hong Kong (Trung Quốc)
13	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)	Có hiệu lực từ 01/08/2020	Việt Nam, EU (27 thành viên)
14	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Vương quốc Anh (UKVFTA)	Có hiệu lực tạm thời từ 01/01/2021, có hiệu lực chính thức từ 01/05/2021	Việt Nam, Vương quốc Anh
15	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)	Có hiệu lực từ 01/01/2022	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật

			Bản, Australia, New Zealand
FTA đã hoàn tất đàm phán			
16	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Israel	Khởi động đàm phán tháng 12/2015. Hoàn tất đàm phán tháng 4/2023	Việt Nam, Israel
FTA đang đàm phán			
17	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EFTA	Khởi động đàm phán tháng 5/2012	Việt Nam, EFTA (Thụy Sĩ, Na uy, Iceland, Liechtenstein)
18	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Canada	Tái khởi động đàm phán tháng 11/2021	ASEAN - Canada
19	Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và UAE (CEPA)	Đang trong quá trình khởi động đàm phán	Việt Nam, các Tiểu Vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE)

Bảng 1.1: Các FTA của Việt Nam tính đến tháng 5/2023

(Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập, 2023)

1.2.2 Tác động của các FTA đã ký đối với Việt Nam

Có thể thấy các Hiệp định Thương mại Tự do là một phương tiện giúp cho Việt Nam tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế. Việc cắt giảm thuế quan trong con đường

hội nhập quốc tế đã thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, tăng cường cơ hội mở rộng thị trường ra nước ngoài. Nếu như tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trong năm 2007 của Việt Nam là 111,3 tỷ USD (trong đó xuất khẩu là 48,5 tỷ USD và nhập khẩu là 62,7 tỷ USD) thì tới năm 2015 con số này đã tăng 3 lần, đạt 327,76 tỷ USD (trong đó xuất khẩu là 162,11 tỷ USD, nhập khẩu là 165,65 tỷ USD). Tính trung bình trong giai đoạn 2007-2015, kim ngạch xuất khẩu đã tăng 2,4 lần với tốc độ tăng trưởng trung bình 18%/năm (cao hơn 3 lần tăng trưởng GDP trung bình của giai đoạn này) còn kim ngạch nhập khẩu thì đã tăng 1,7 lần với tốc độ tăng trưởng trung bình gần 17%/năm.

Bên cạnh đó, việc mở rộng ký kết Hiệp định Thương mại Tự do với các đối tác không chỉ giúp cho Việt Nam đa dạng hóa các thị trường mà còn tránh để Việt Nam quá phụ thuộc vào các thị trường truyền thống về nguyên liệu, mang đến nhiều cơ hội mở rộng thị trường xuất nhập khẩu. Cơ cấu của các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam cũng đã có sự chuyển dịch tích cực từ các loại sản phẩm nông sản, dệt may, giày dép sang nhóm các loại sản phẩm điện thoại, linh kiện điện tử, máy vi tính với tỷ trọng là 28,27% trong năm 2015 so với tỷ trọng là 4,4% trong năm 2007. Mặc dù đã có sự chuyển dịch về cơ cấu xuất nhập khẩu nhưng hầu hết các sản phẩm của Việt Nam chỉ mới dừng lại ở công đoạn gia công lắp ráp, các nguyên liệu phụ đầu vào là chủ yếu là nhập khẩu, vẫn chưa có nhiều sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao do đó nhìn chung cũng chưa có sự thay đổi thực sự về chất. Ngoài ra, do tỷ lệ đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu của các doanh nghiệp còn thấp nên nhiều mặt hàng xuất khẩu vẫn vấp phải những rào cản về nguồn gốc xuất xứ, các tiêu chuẩn về kỹ thuật như vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm, ... Thêm vào đó, trong ngắn hạn thì việc xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc (một thị trường truyền thống) do vị trí địa lý thuận lợi cũng như mức độ cam kết thuế sâu. (Ban Tài chính quốc tế và Chính sách hội nhập Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, 2016)

Bên cạnh việc tác động đối với xuất nhập khẩu thì các FTA cũng giúp cắt giảm chi phí sản xuất của một số mặt hàng do nguyên liệu đầu vào sẽ có giá thấp hơn giúp giá cả hàng hóa cạnh tranh hơn. Các mặt hàng nhập khẩu nhờ có Hiệp định Thương mại Tự do cũng sẽ có giá thành rẻ kèm với những mẫu mã phong phú và đa dạng do đó sẽ có tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Môi trường kinh doanh cũng sẽ được kiện toàn, đẩy mạnh cải cách để các vấn đề về thể chế, chính sách, ... được cải thiện theo hướng thuận lợi và phù hợp do các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thêm vào đó, trong những FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia thì những Hiệp định này đều có các quy định về đầu tư nên cũng sẽ mở ra một cơ hội lớn đối với Việt Nam trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM - ISRAEL TRƯỚC FTA

2.1 Sự hình thành và phát triển mối quan hệ giữa Việt Nam và Israel

2.1.1 Giới thiệu sơ lược về Việt Nam

Việt Nam là một đất nước có nền văn hóa lâu đời và đặc sắc gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển trong hàng ngàn năm qua của dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã kháng chiến thành công và thống nhất đất nước vào năm 1976.



Hình 2.1: Quốc kỳ Việt Nam

Việt Nam nằm ở bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á, ven biển Thái Bình Dương. Việt Nam phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp Lào và Campuchia, phía Đông giáp Biển Đông. Đây là đất nước có địa hình đa dạng phản ánh sự phát triển địa chất, địa hình lâu dài trong môi trường gió mùa nóng ẩm, phong hóa mạnh mẽ. Đồi núi chiếm đến tận 3/4 diện tích lãnh thổ nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Còn đồng bằng bị đồi núi ngăn cách do đó chia thành nhiều khu vực. Đất nước Việt Nam có ba mặt Đông, Nam và Tây Nam của đất nước đều hướng biển và có đường bờ biển dài đến 3360 km. Bên cạnh đó, Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc (2360 con sông dài trên 10 km), chảy theo hai hướng chính là Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung.

Việt Nam nằm trong vành đai nội chí tuyến, quanh năm có độ ẩm lớn và nhiệt độ cao. Toàn lãnh thổ Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm không thuần nhất nên hình thành các miền và vùng khí hậu khác nhau rõ rệt. Khí hậu của Việt Nam có sự thay đổi